

Bản án số: 45/2020/HNGĐ-ST

Ngày 26-8-2020

V/v: Ly hôn và tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hoàng Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Thủy và bà Phạm Thị Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thái Quang – Thư ký, Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Ngày 25 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái , tỉnh Yên Bái, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 250/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2020, về việc: “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lê Ngọc T, sinh năm 1984

Địa chỉ: thôn P, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

- Bị đơn: Đào Thị Thanh H, sinh năm 1983

Địa chỉ: Tổ 10, phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

(Các đương sự vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn anh Lê Ngọc T trình bày:

Anh và chị Đào Thị Thanh H kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái ngày 10/5/2007. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 3 năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp. Vợ chồng đã tự hòa

giải và được hai bên gia đình đã khuyên bảo, hòa giải nhiều lần nhưng không khắc phục được, đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2014 đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Anh xác định tình cảm vợ chồng đã hết, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị H.

Về con chung: Anh và chị H có 02 con chung là Lê Thu T, sinh ngày 15/10/2007 và Lê Bảo H, sinh ngày 15/01/2003. Anh đề nghị giao cho chị H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai cháu, anh cấp dưỡng nuôi con chung số tiền là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/01 cháu/01 tháng.

Về chia tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ bị đơn chị Đào Thị Thanh H trình bày:

Về hôn nhân: Chị nhất trí với trình bày của anh T về thời gian, điểm đăng ký kết hôn cũng như nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn. Anh T đề nghị ly hôn, chị đồng ý.

Về con chung: Chị nhất trí với ý kiến của anh T

Về chia tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án về Ly hôn và tranh chấp về nuôi con, bị đơn là chị Đào Thị Thanh H có hộ khẩu thường trú tại Tổ 10, phường Y, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Anh Lê Ngọc T và chị Đào Thị Thanh H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về hôn nhân: Anh Lê Ngọc T và chị Đào Thị Thanh H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 10/5/2007 tại Ủy ban nhân dân phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái là hôn nhân hợp pháp. Anh chị đều thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm

sống, tính cách không phù hợp. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3/2021⁴ đến nay không quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng không còn, đều nhất trí ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị H đã trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T.

[3] Về con chung: Anh T và chị H có 02 con chung là Lê Thu T, sinh ngày 15/10/2007 và Lê Bảo H, sinh ngày 15/01/2003, thống nhất giao cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh T cấp dưỡng nuôi con số tiền là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/01 cháu/01 tháng. Cháu T, cháu H đều có nguyện vọng được ở với chị H. Đề nghị của anh T và chị H phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về chia tài sản: Anh T và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Nguyên đơn phải chịu án phí DSST; Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; Khoản 4 Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Ngọc T được ly hôn chị Đào Thị Thanh H.

2. Về con chung: Giao cho chị Đào Thị Thanh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Thu T, sinh ngày 15/10/2007 và cháu Lê Bảo H, sinh ngày 15/01/2003. Anh Lê Ngọc T cấp dưỡng nuôi con số tiền là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/01 cháu/01 tháng kể từ tháng 9 năm 2020 cho đến khi cháu T, cháu H đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi.

Anh Lê Ngọc T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Khi bản án có hiệu lực, kể từ ngày chị Đào Thị Thanh H có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con nếu anh Lê Ngọc T chưa thi hành, thì hàng tháng anh T còn phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ Luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí: Anh Lê Ngọc T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số: AA/2017/0006504, ngày 29-7-2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Yên Bái, anh Lê Ngọc T còn phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Lê Ngọc T, chị Đào Thị Thanh H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Yên Bái;
- VKSND TP Yên Bái;
- Chi cục THADS TP Yên Bái;
- Các đương sự;
- UBND P. Y, TP Yên Bái;
- Lưu: Hồ sơ; TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Hoàng Hải